

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH ÁP DỤNG TRONG THANH TOÁN BẢO HIỂM Y TẾ
(Kèm theo Công văn số /BVYHCT-KHTH-DD ngày / /2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền Quảng Nam)

ST T	MA_DICH_VU	TEN_DICH_VU	TEN_DVKT_GIA	DON_GIA	QUY_TRINH	SO_LUON G_CGKT	CSKCB_C GKT	CSKCB_C LS	QD_DVKT	QD_PD_GIA	GHI_CHU	TU_NGAY	DEN_NGAY	MA_CS KCB
1	01.0065.0071	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	248500	20251029_3375/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
2	01.0085.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Vận động trị liệu hô hấp	32900	20140605_1981/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
3	01.0158.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	532500	20140530_1904/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.	20260810		49015
4	02.0085.1778	Điện tim thường	Điện tim thường	39900	20141003_3983/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
5	02.0188.0210	Đặt sonde bàng quang	Đặt sonde bàng quang	101800	20140911_3592/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
6	02.0273.0191	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	283800	20140925_3805/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
7	02.0314.0001	Siêu âm ổ bụng	Siêu âm ổ bụng	58600	20140925_3805/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
8	02.0373.0001	Siêu âm khớp (một vị trí)	Siêu âm khớp (một vị trí)	58600	20140224_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
9	02.0374.0001	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	58600	20140224_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
10	02.0381.0213	Tiêm khớp gối	Tiêm khớp gối	104400	20140224_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
11	02.0385.0213	Tiêm khớp cổ tay	Tiêm khớp cổ tay	104400	20140224_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
12	02.0388.0213	Tiêm khớp khuỷu tay	Tiêm khớp khuỷu tay	104400	20140224_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
13	02.0389.0213	Tiêm khớp vai	Tiêm khớp vai	104400	20140224_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
14	02.0399.0213	Tiêm hội chứng DeQuervain	Tiêm hội chứng DeQuervain	104400	20140224_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
15	02.0400.0213	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	104400	20140224_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
16	02.0510.0213	Tiêm nội khớp: acid hyaluronic	Tiêm nội khớp: acid hyaluronic	104400	20140214_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
17	03.0289.0224	Hào châm	Hào châm	76300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
18	03.0291.0224	Ôn châm	Ôn châm	76300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
19	03.2367.0112	Chọc dịch khớp	Chọc dịch khớp	129600	20140214_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
20	03.2371.0213	Tiêm chất nhờn vào khớp	Tiêm chất nhờn vào khớp	104400	20140214_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
21	03.2372.0213	Tiêm corticoide vào khớp	Tiêm corticoide vào khớp	104400	20140214_654/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20260810		49015
22	08.0001.0224	Mại hoa châm	Mại hoa châm	76300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
23	08.0002.0224	Hào châm	Hào châm	76300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
24	08.0003.2045	Mãng châm	Mãng châm	83300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
25	08.0004.0224	Nhĩ châm	Nhĩ châm	76300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
26	08.0005.0230	Điện châm	Điện châm [kim ngắn]	78300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
27	08.0005.2046	Điện châm	Điện châm [kim dài]	85300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
28	08.0006.0271	Thủy châm	Thủy châm	77100	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Chưa bao gồm thuốc.	20260810		49015
29	08.0007.0227	Cây chỉ	Cây chỉ	156400	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
30	08.0008.0224	Ôn châm	Ôn châm [kim ngắn]	76300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
31	08.0008.2045	Ôn châm	Ôn châm [kim dài]	83300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
32	08.0009.0228	Cứu	Cứu	37000	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
33	08.0010.0224	Chích lẻ	Chích lẻ	76300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
34	08.0011.0243	Laser châm	Laser châm	52100	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
35	08.0012.0224	Từ châm	Từ châm	76300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
36	08.0015.0252	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	14000	20201230_5480/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc.	20260810		49015
37	08.0020.0284	Xông hơi thuốc	Xông hơi thuốc	50300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
38	08.0021.0285	Xông khói thuốc	Xông khói thuốc	45300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
39	08.0022.0252	Sắc thuốc thang	Sắc thuốc thang	14000	20201230_5480/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc.	20260810		49015
40	08.0023.0249	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	54800	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
41	08.0024.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	54800	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
42	08.0027.0228	Chườm ngải	Chườm ngải	37000	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
43	08.0146.2046	Điện màng châm điều trị	Điện màng châm điều trị	85300	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
44	08.0483.0280	Xoa bóp bấm huyết bằng tay	Xoa bóp bấm huyết bằng tay	76000	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20200318_251/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
45	08.0484.0281	Xoa bóp bấm huyết bằng máy	Xoa bóp bấm huyết bằng máy	39000	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20200318_251/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
46	08.0485.0235	Giác hơi	Giác hơi	36700	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20200318_251/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
47	08.0486.0238	Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT	Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT	54800	20260402_69/QĐ-BVYHCT				20200318_251/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
48	08.16	Khám Y học cổ truyền	Khám Y học cổ truyền	39800					20250619_2010/QĐ-BYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
49	17.0001.0254	Điều trị bằng sóng ngắn	Điều trị bằng sóng ngắn	41100	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
50	17.0004.0232	Điều trị bằng từ trường	Điều trị bằng từ trường	41900	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
51	17.0005.0231	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	48900	20140106_54/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015

ST T	MA_DICH_VU	TEN_DICH_VU	TEN_DVKT_GIA	DON_GIA	QUY_TRINH	SO_LUON G_CGKT	CSKCB_C GKT	CSKCB_C LS	QD_DVKT	QD_PD_GIA	GHI_CHU	TU_NGAY	DEN_NGAY	MA_CS KCB
52	17.0007.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	Điều trị bằng các dòng điện xung	44900	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
53	17.0008.0253	Điều trị bằng siêu âm	Điều trị bằng siêu âm	48700	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
54	17.0009.0255	Điều trị bằng sóng xung kích	Điều trị bằng sóng xung kích	71200	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
55	17.0010.0236	Điều trị bằng dòng giao thoa	Điều trị bằng dòng giao thoa	30800	20140106 54/QĐ-BYT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
56	17.0011.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40900	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
57	17.0012.0243	Điều trị bằng laser công suất thấp	Điều trị bằng laser công suất thấp	52100	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
58	17.0018.0221	Điều trị bằng Parafin	Điều trị bằng Parafin	46000	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
59	17.0026.0220	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	50800	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
60	17.0033.0266	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	51800	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
61	17.0034.0267	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
62	17.0037.0267	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
63	17.0039.0267	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
64	17.0041.0268	Tập đi với thanh song song	Tập đi với thanh song song	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
65	17.0042.0268	Tập đi với khung tập đi	Tập đi với khung tập đi	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
66	17.0043.0268	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
67	17.0044.0268	Tập đi với gậy	Tập đi với gậy	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
68	17.0045.0268	Tập đi với bàn xướng cá	Tập đi với bàn xướng cá	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
69	17.0046.0268	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
70	17.0047.0268	Tập lên, xuống cầu thang	Tập lên, xuống cầu thang	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
71	17.0048.0268	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gỗ ghềnh...)	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gỗ ghềnh...)	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
72	17.0049.0268	Tập đi với chân giả trên gối	Tập đi với chân giả trên gối	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
73	17.0050.0268	Tập đi với chân giả dưới gối	Tập đi với chân giả dưới gối	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
74	17.0052.0267	Tập vận động thụ động	Tập vận động thụ động	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
75	17.0053.0267	Tập vận động có trợ giúp	Tập vận động có trợ giúp	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
76	17.0056.0267	Tập vận động có kháng trở	Tập vận động có kháng trở	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
77	17.0058.0268	Tập vận động trên bóng	Tập vận động trên bóng	33400	20140106 54/QĐ-BYT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
78	17.0062.0267	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bàn thể chức năng	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bàn thể chức năng	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
79	17.0063.0268	Tập với thang tường	Tập với thang tường	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
80	17.0064.0268	Tập với giàn treo các chi	Tập với giàn treo các chi	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
81	17.0065.0269	Tập với ròng rọc	Tập với ròng rọc	14700	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
82	17.0066.0268	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Tập với dụng cụ quay khớp vai	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
83	17.0067.0268	Tập với dụng cụ chéo thuyền	Tập với dụng cụ chéo thuyền	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
84	17.0068.0268	Tập thẳng bằng với bàn bập bênh	Tập thẳng bằng với bàn bập bênh	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
85	17.0069.0268	Tập với máy tập thẳng bằng	Tập với máy tập thẳng bằng	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
86	17.0070.0261	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	14700	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
87	17.0072.0268	Tập với bàn nghiêng	Tập với bàn nghiêng	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
88	17.0073.0277	Tập các kiểu thở	Tập các kiểu thở	32900	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
89	17.0075.0277	Tập ho có trợ giúp	Tập ho có trợ giúp	32900	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
90	17.0078.0238	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	54800	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
91	17.0085.0282	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Kỹ thuật xoa bóp vùng	51300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
92	17.0086.0283	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	64900	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
93	17.0090.0267	Tập điều hợp vận động	Tập điều hợp vận động	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
94	17.0092.0268	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	33400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
95	17.0102.0258	Tập trí giác và nhận thức	Tập trí giác và nhận thức	51400	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
96	17.0108.0260	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	77500	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
97	17.0109.0265	Tập cho người thất ngôn	Tập cho người thất ngôn	124000	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
98	17.0111.0265	Tập sửa lỗi phát âm	Tập sửa lỗi phát âm	124000	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
99	17.0133.0242	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	162700	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
100	17.0134.0240	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	219700	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
101	17.0141.0241	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
102	17.0142.0241	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
103	17.0143.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
104	17.0144.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
105	17.0145.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
106	17.0146.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	59300	20260402 68/QĐ-BVYHCT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
107	17.0147.0241	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực - thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực - thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
108	17.0149.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
109	17.0150.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối cổ khớp háng HKAFO	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối cổ khớp háng HKAFO	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
110	17.0151.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
111	17.0152.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	59300	20251114 3555/QĐ-BYT				20170321 1053/QĐ-SYT	20260731 96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015

ST T	MA_DICH_VU	TEN_DICH_VU	TEN_DVKT_GIA	DON_GIA	QUY_TRINH	SO_LUON G_CGKT	CSKCB_C GKT	CSKCB_C LS	QD_DVKT	QD_PD_GIA	GHI_CHU	TU_NGAY	DEN_NGAY	MA_CS KCB
112	17.0153.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	59300	20251114_3555/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
113	17.0159.0243	Điều trị bằng laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo	Điều trị bằng laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo	52100	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
114	17.0160.0245	Điều trị bằng laser công suất thấp nội mạch	Điều trị bằng laser công suất thấp nội mạch	58400	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
115	17.0168.0281	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	39000	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
116	17.0175.0238	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	54800	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
117	17.0187.0268	Kỹ thuật tập đi trên máy Treadmill với nâng đỡ một phần trọng lượng	Kỹ thuật tập đi trên máy Treadmill với nâng đỡ một phần trọng lượng	33400	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
118	17.0250.0256	Tập do cứng khớp	Tập do cứng khớp	56200	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20200318_251/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
119	17.0251.0268	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	33400	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20200318_251/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
120	17.0252.0279	Xoa bóp áp lực hơi	Xoa bóp áp lực hơi	32900	20260402_68/QĐ-BVYHCT				20200318_251/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
121	18.0015.0001	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	58600	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
122	18.0043.0001	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	58600	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
123	18.0044.0001	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	58600	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
124	18.0067.0029	Chụp X-quang sọ thẳng/ngiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/ngiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
125	18.0068.0029	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
126	18.0072.0028	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
127	18.0073.0028	Chụp X-quang Hirtz	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
128	18.0074.0028	Chụp X-quang hàm chéch một bên	Chụp X-quang hàm chéch một bên [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
129	18.0078.0028	Chụp X-quang Schuller	Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
130	18.0080.0028	Chụp X-quang khớp thái dương hàm	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
131	18.0085.0028	Chụp X-quang mỏm trâm	Chụp X-quang mỏm trâm [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
132	18.0086.0029	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
133	18.0087.0029	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
134	18.0090.0029	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
135	18.0091.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
136	18.0092.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
137	18.0096.0029	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
138	18.0097.0030	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên [số hóa 3 phim]	130300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
139	18.0098.0028	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
140	18.0099.0028	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéch	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
141	18.0100.0028	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
142	18.0101.0028	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéch	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
143	18.0103.0029	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
144	18.0104.0029	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
145	18.0106.0029	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
146	18.0107.0029	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
147	18.0108.0029	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
148	18.0109.0028	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
149	18.0110.0028	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
150	18.0111.0029	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
151	18.0112.0029	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015

ST T	MA_DICH_VU	TEN_DICH_VU	TEN_DVKT_GIA	DON_GIA	QUY_TRINH	SO_LUON G_CGKT	CSKCB_C GKT	CSKCB_C LS	QD_DVKT	QD_PD_GIA	GHI_CHU	TU_NGAY	DEN_NGAY	MA_CS KCB
152	18.0113.0029	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
153	18.0114.0029	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
154	18.0115.0029	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
155	18.0116.0029	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
156	18.0117.0029	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
157	18.0119.0028	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
158	18.0120.0028	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
159	18.0121.0029	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
160	18.0122.0029	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [số hóa 2 phim]	105300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
161	18.0123.0028	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 1 phim]	73300	20260311_622/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Áp dụng cho 01 vị trí	20260810		49015
162	21.0014.1778	Điện tim thường	Điện tim thường	39900	20141003_3983/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
163	22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	13600	20230418_144/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
164	22.0021.1219	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	16000	20121109_4401/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
165	22.0120.1370	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm tổng trừ)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm tổng trừ)	43500	20230418_144/QĐ-BVYHCT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
166	22.0121.1369	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm laser)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm laser)	49700	20170720_3336/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
167	22.0142.1304	Máu lắng (bảng phương pháp thủ công)	Máu lắng (bảng phương pháp thủ công)	24800	20121109_4401/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
168	23.0003.1494	Định lượng Acid Uric [Máu]	Định lượng Acid Uric [Máu]	22400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Mỗi chất	20260810		49015
169	23.0007.1494	Định lượng Albumin [Máu]	Định lượng Albumin [Máu]	22400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Mỗi chất	20260810		49015
170	23.0029.1473	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	13400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
171	23.0041.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	28000	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
172	23.0051.1494	Định lượng Creatinin (máu)	Định lượng Creatinin (máu)	22400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Mỗi chất	20260810		49015
173	23.0075.1494	Định lượng Glucose [Máu]	Định lượng Glucose [Máu]	22400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Mỗi chất	20260810		49015
174	23.0083.1523	Định lượng HbA1c [Máu]	Định lượng HbA1c [Máu]	105300	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
175	23.0084.1506	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28000	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
176	23.0112.1506	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28000	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
177	23.0133.1494	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	22400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Mỗi chất	20260810		49015
178	23.0158.1506	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	28000	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
179	23.0166.1494	Định lượng Urê máu [Máu]	Định lượng Urê máu [Máu]	22400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND	Mỗi chất	20260810		49015
180	23.0187.1593	Định lượng Glucose (niệu)	Định lượng Glucose (niệu)	14400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
181	23.0201.1593	Định lượng Protein (niệu)	Định lượng Protein (niệu)	14400	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
182	23.0206.1596	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	28600	20140123_320/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
183	24.0108.1720	Virus test nhanh	Virus test nhanh	261000	20130103_26/QĐ-BYT				20170321_1053/QĐ-SYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
184	K16.GBN.3	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3	50760					20250619_2010/QĐ-BYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015
185	K16.NO3	Giường Nội khoa loại 3 - Khoa Y học cổ truyền	Giường Nội khoa loại 3 - Khoa Y học cổ truyền	169200					20250619_2010/QĐ-BYT	20260731_96/2026/NQ-HĐND		20260810		49015